



Tài liệu tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh

Kỳ tháng 3 năm 2026

ASTI CORPORATION

Sàn giao dịch Tokyo Standard
Mã chứng khoán : **6899**

1. Tổng quan kết quả tài chính kỳ tháng 3 năm 2026

● Tổng quan hợp nhất

(Đơn vị : Triệu yên)

	Kỳ tháng 3/2025	Kỳ tháng 3/2026	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
Doanh thu thuần	65,441	62,400	▲3,041	▲4.6%
Lợi nhuận hoạt động	1,517	1,302	▲215	▲14.2%
Lợi nhuận thường xuyên	1,584 (*1)	1,326 (*2)	▲258	▲16.3%
Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ	624	712 (*3)	+ 88	+ 14.0%
Lợi nhuận cơ bản trên 1 cổ phiếu (Yên)	199.92	228.01	+ 28.09	—

*1. Chi phí ngoài hoạt động kinh doanh Công ty đã ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá 44 triệu yên. (Tỷ giá : 149,53 yên/USD (cuối tháng 03/2025)

*2. Chi phí ngoài hoạt động kinh doanh Công ty đã ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá 30 triệu yên. (Tỷ giá : 159,93 yên/USD (cuối tháng 03/2026)

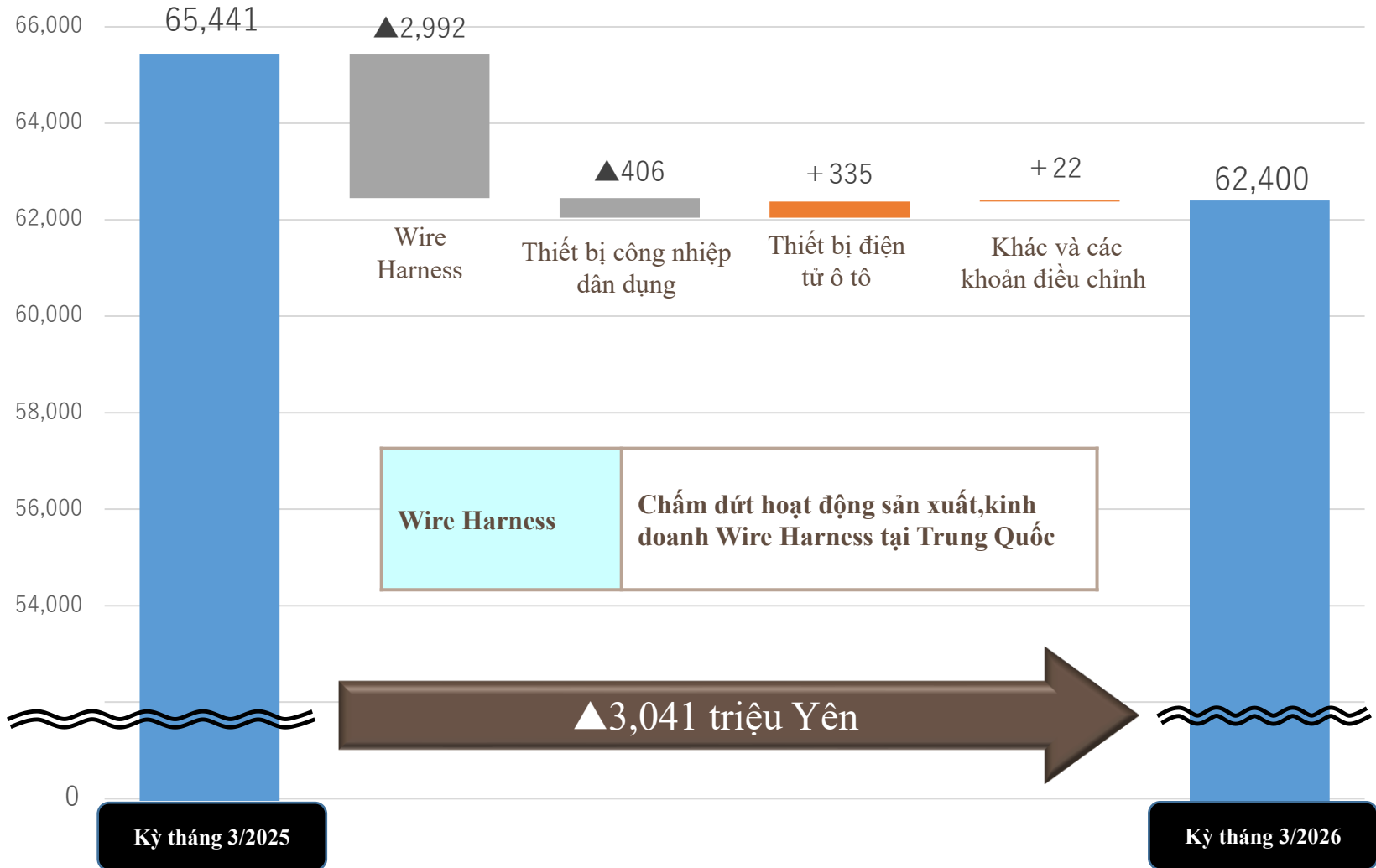
Trong thu nhập ngoài hoạt động, Công ty đã ghi nhận thu nhập từ trợ cấp 67 triệu yên

*3. Trong thu nhập đặc biệt, Công ty đã ghi nhận lãi từ việc bán tài sản cố định tại các cơ sở ở Trung Quốc là 602 triệu yên.

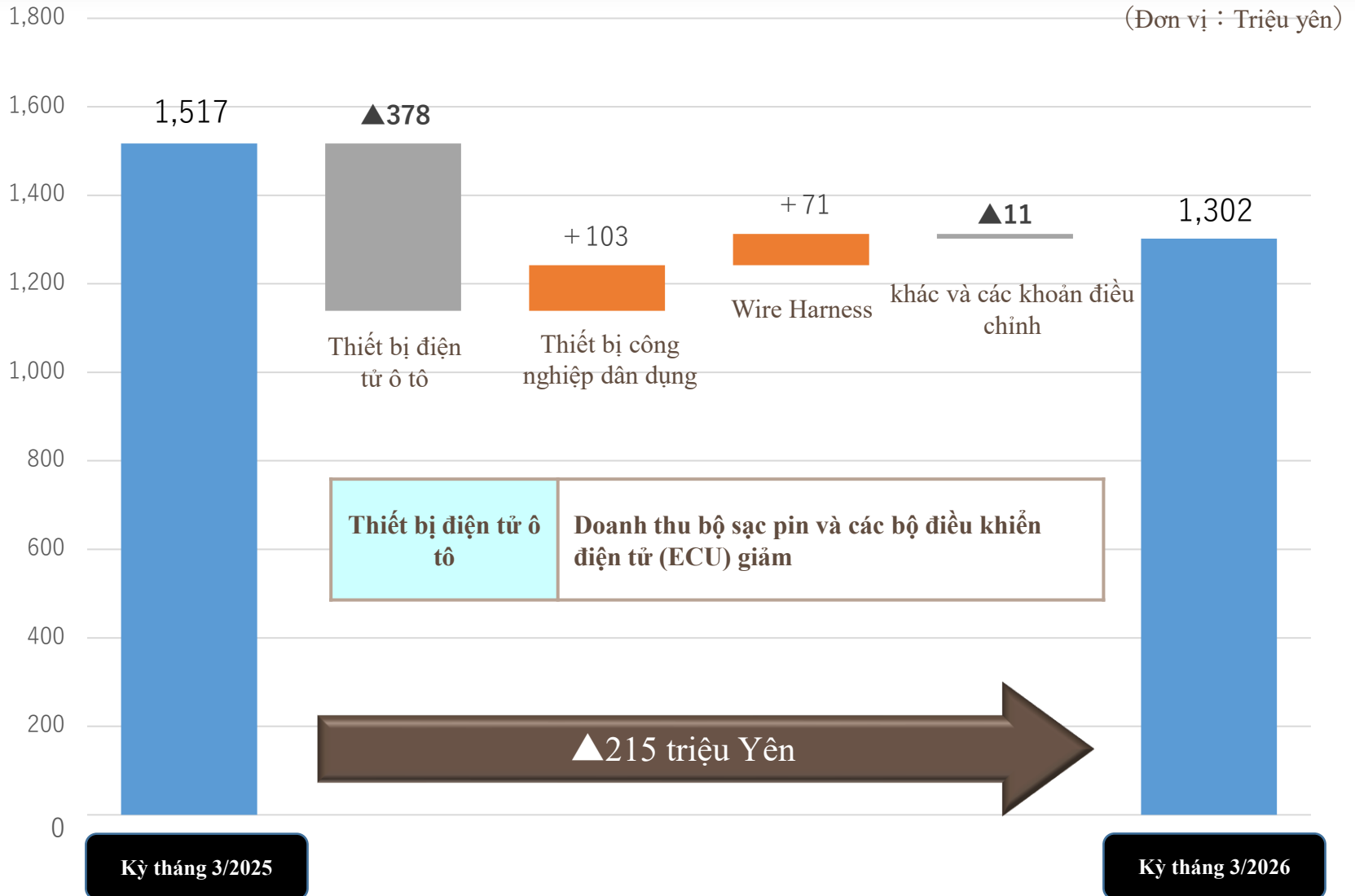
Trong chi phí đặc biệt, Công ty đã ghi nhận lỗ do tái cơ cấu hoạt động kinh doanh tại các cơ sở ở Trung Quốc là 854 triệu yên.

● Chi tiết biến động doanh thu hợp nhất (Theo từng phân khúc)

(Đơn vị : Triệu yên)

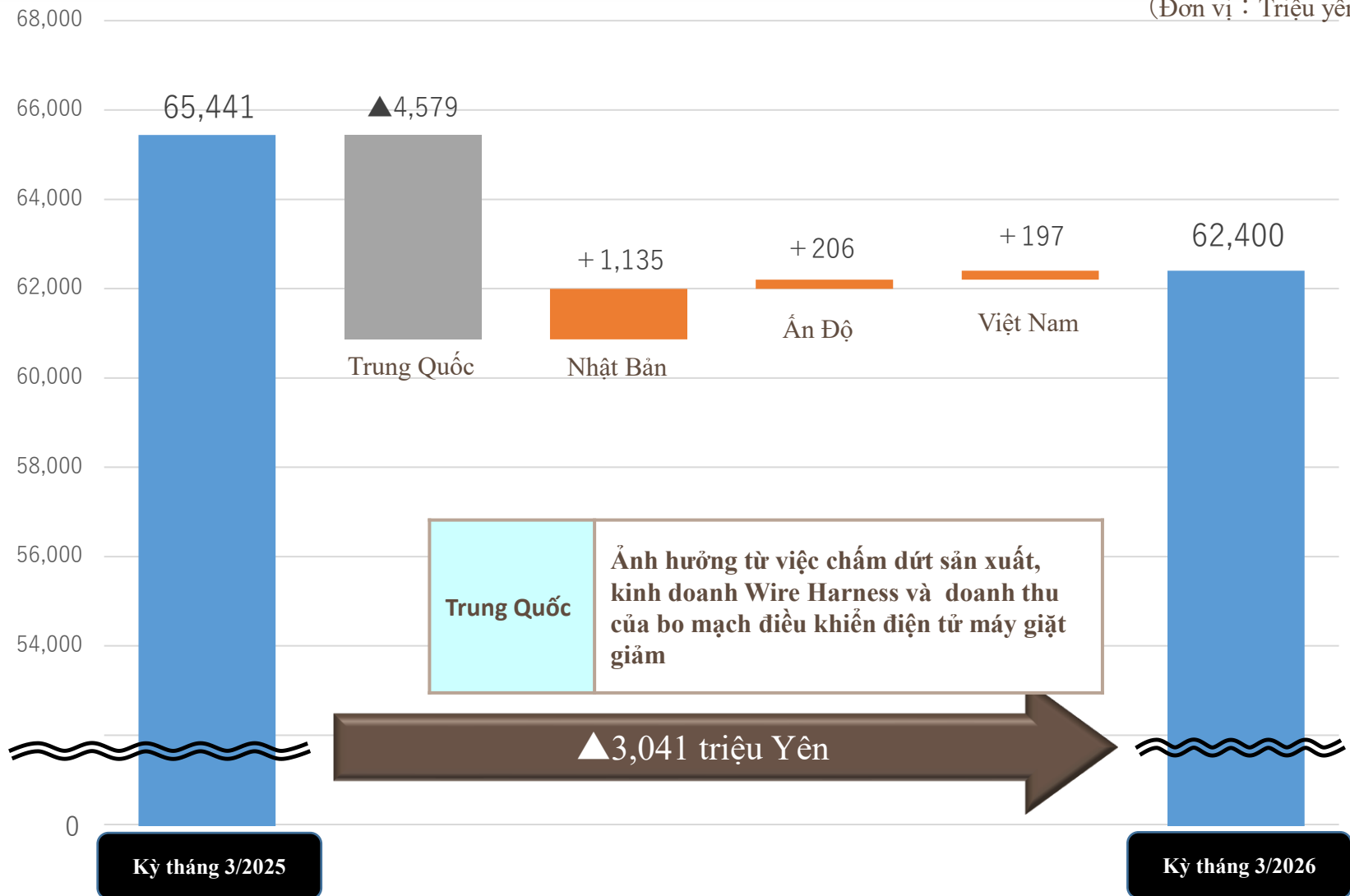


● Chi tiết biến động lợi nhuận hoạt động hợp nhất (Theo từng phân khúc)



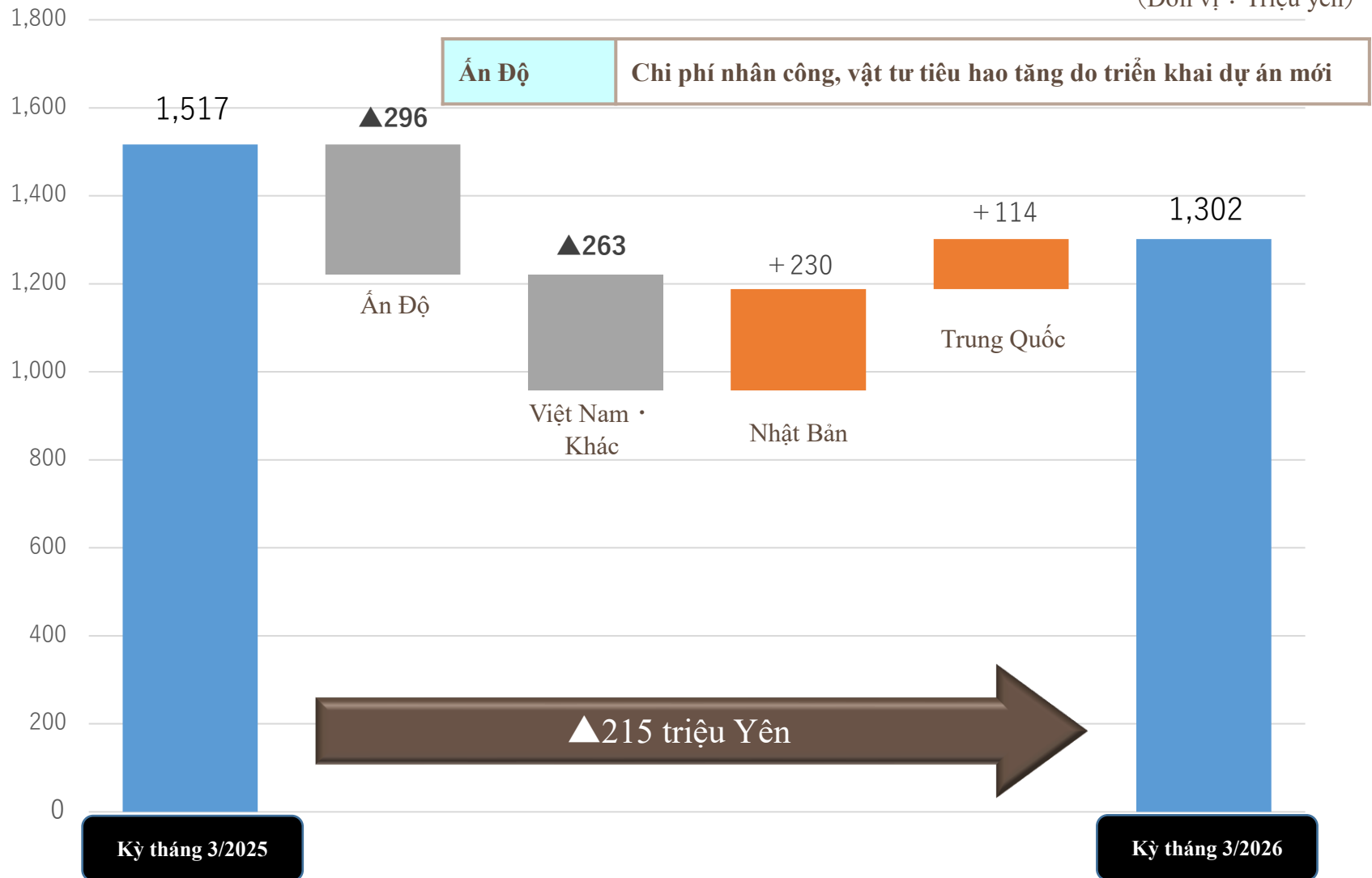
● Chi tiết biến động doanh thu hợp nhất (Theo từng quốc gia)

(Đơn vị : Triệu yên)



● Chi tiết biến động lợi nhuận hoạt động hợp nhất (Theo từng quốc gia)

(Đơn vị : Triệu yên)

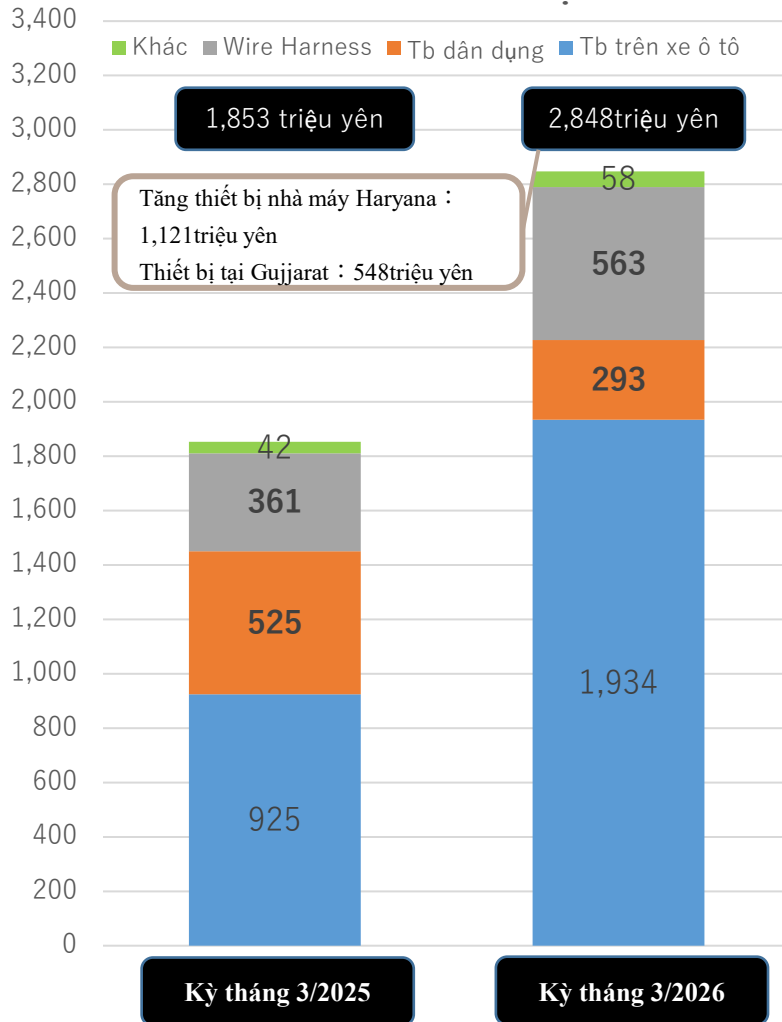


Đầu tư thiết bị hợp nhất và chi phí khấu hao

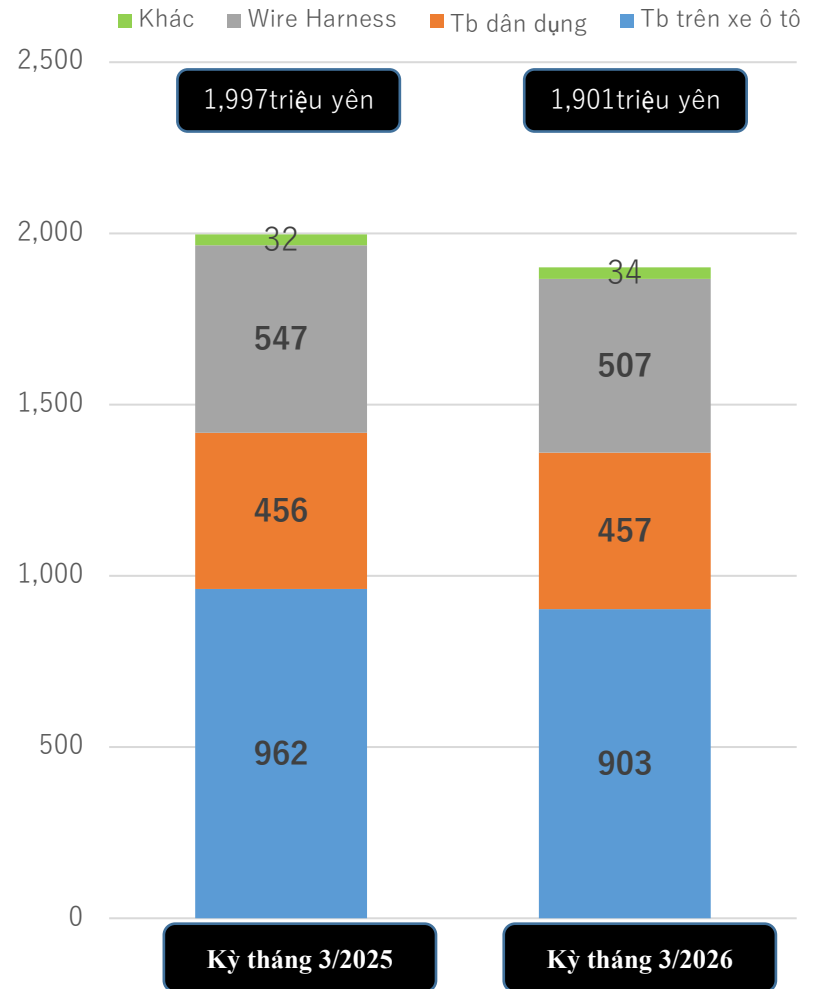
(Đơn vị : Triệu yên)

(Đơn vị : Triệu yên)

Đầu tư thiết bị



Chi phí khấu hao



2. Dự đoán kết quả kinh doanh kỳ tháng 3 năm 2027

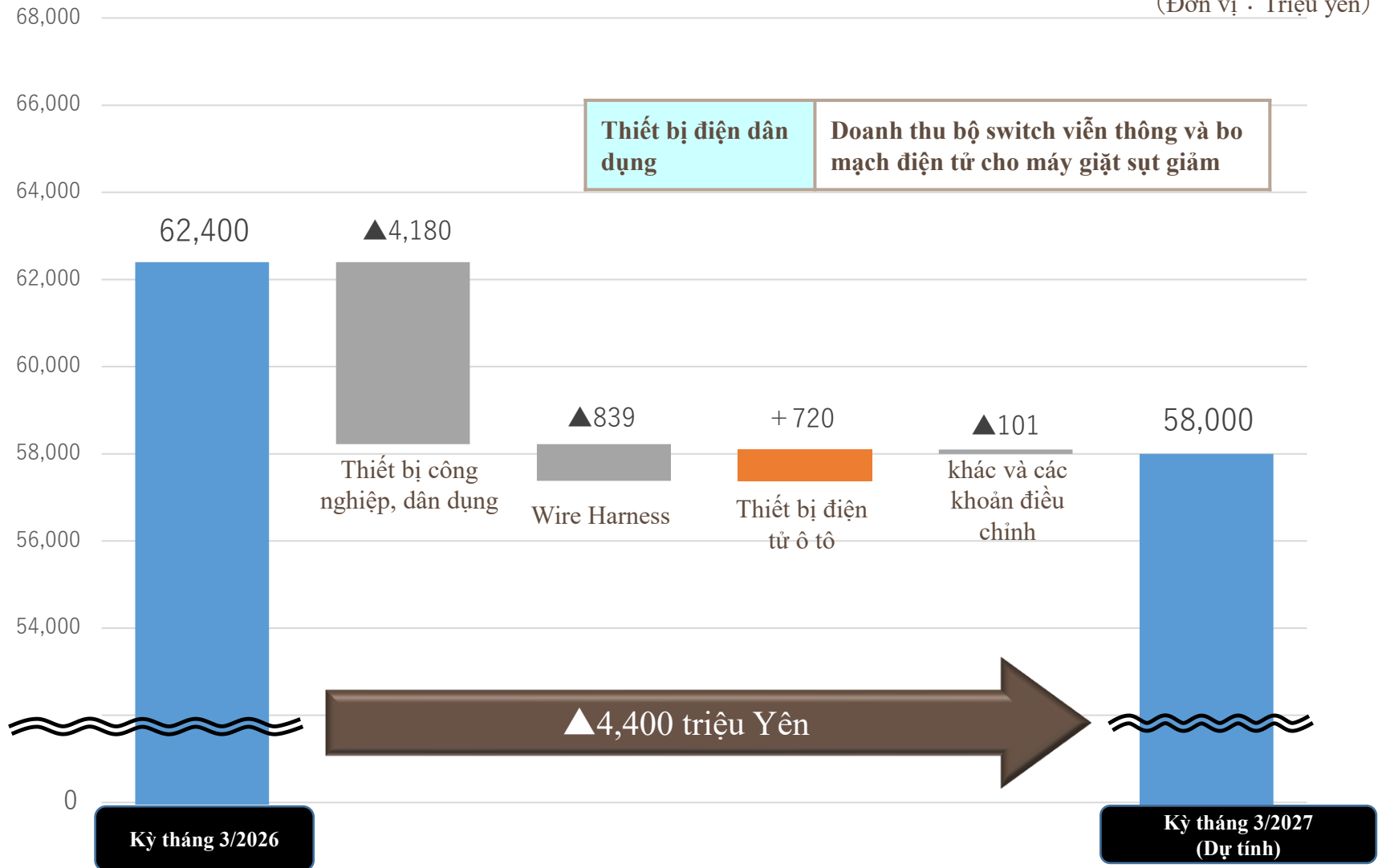
● Tổng quan hợp nhất

(Đơn vị : Triệu yên)

	Kỳ tháng 3/2026	Kỳ tháng 3/2027	Mức tăng/giảm so với kỳ trước	Chênh lệch
Doanh thu thuần	62,400	58,000	▲4,400	▲7.1%
Lợi nhuận hoạt động	1,302	1,000	▲302	▲23.2%
Lợi nhuận thường xuyên	1,326	1,000	▲326	▲24.6%
Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ	712	700	▲12	▲1.7%
Lợi nhuận cơ bản trên 1 cổ phiếu (Yên)	228.01	223.95	▲4.06	—

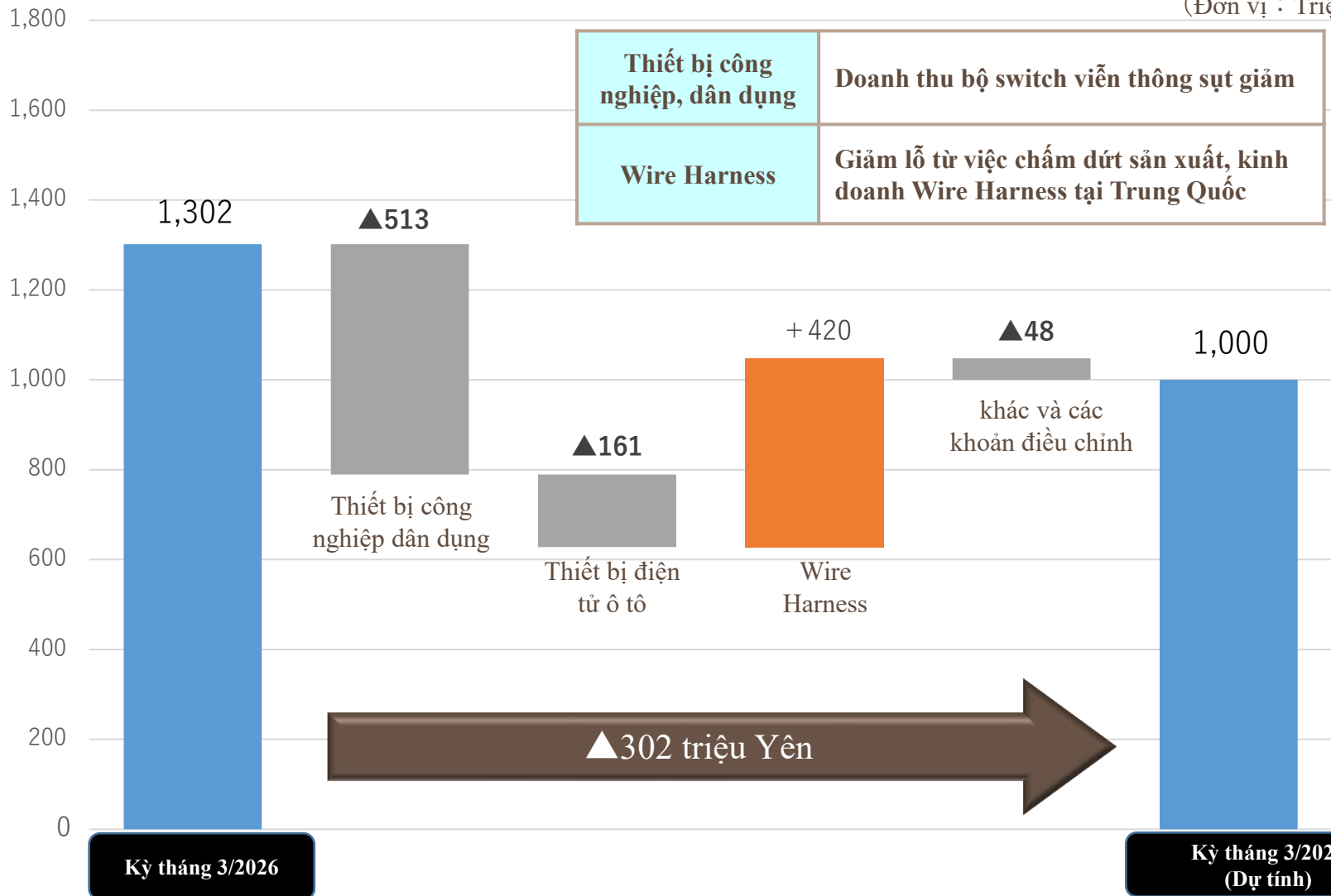
● Chi tiết biến động doanh thu hợp nhất (Theo từng phân khúc)

(Đơn vị : Triệu yên)



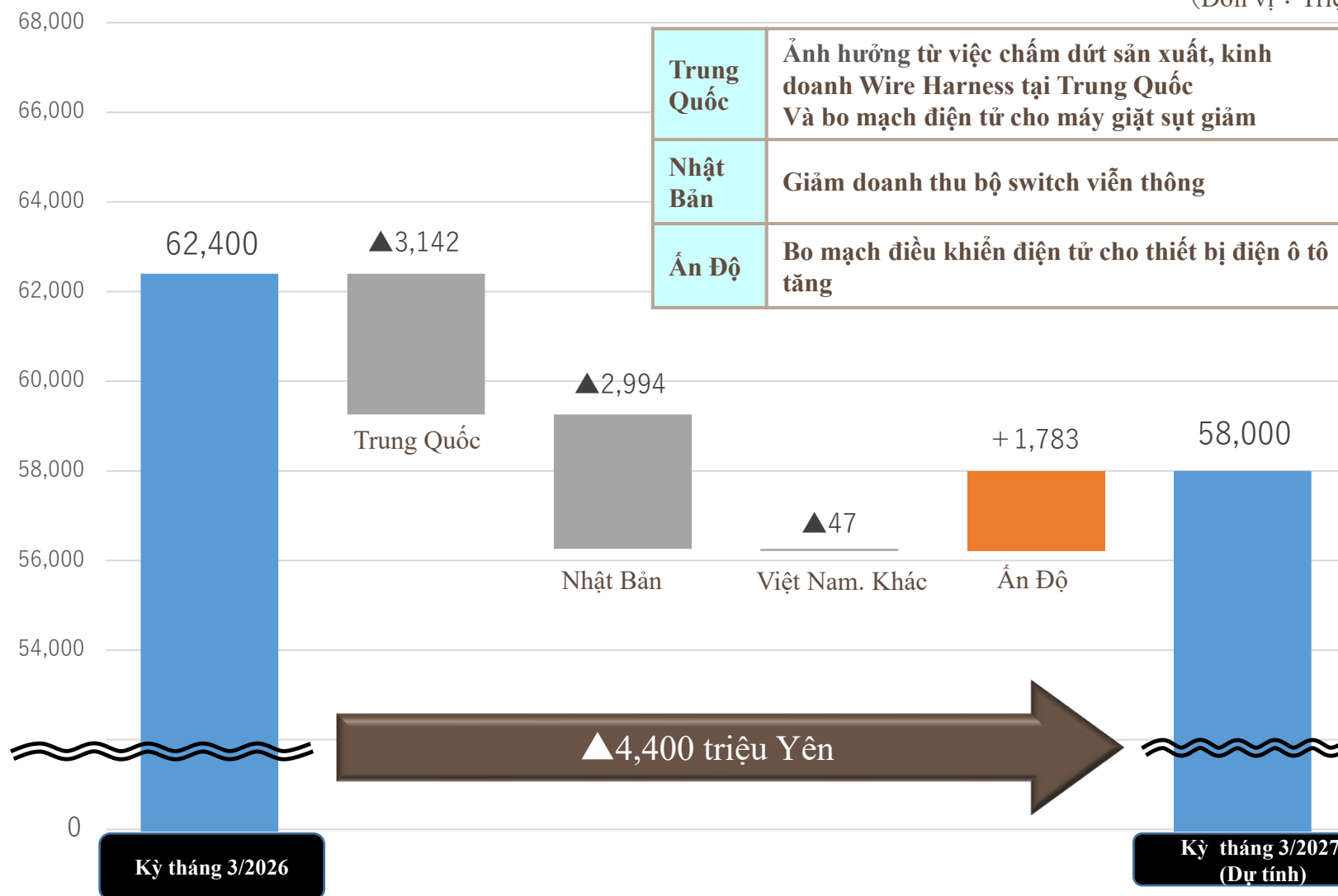
● Chi tiết biến động lợi nhuận hoạt động hợp nhất (Theo từng phân khúc)

(Đơn vị : Triệu yên)



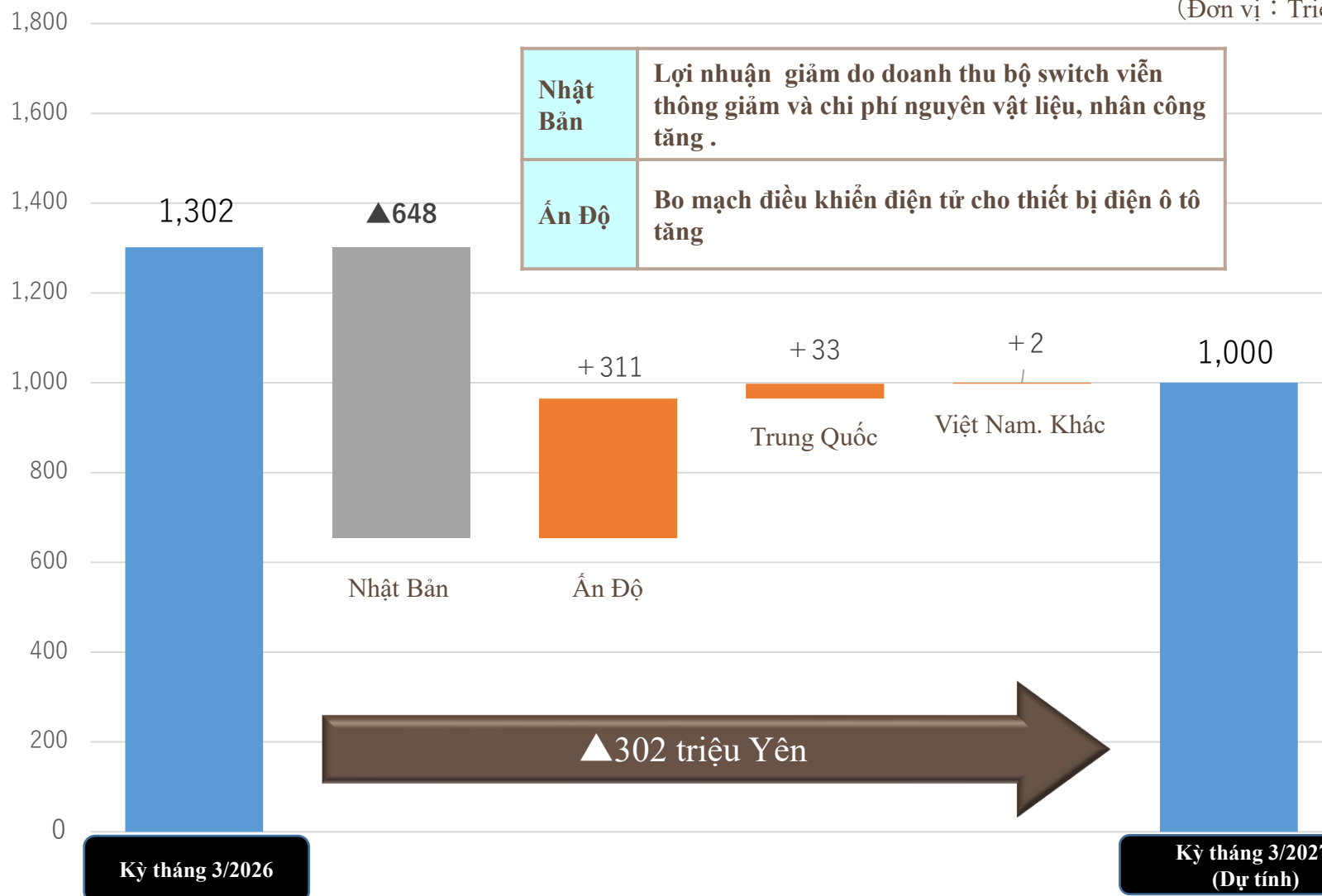
Chi tiết biến động doanh thu thuần hợp nhất (Theo từng quốc gia)

(Đơn vị : Triệu yên)



● Chi tiết biến động lợi nhuận hoạt động hợp nhất (Theo từng quốc gia)

(Đơn vị : Triệu yên)

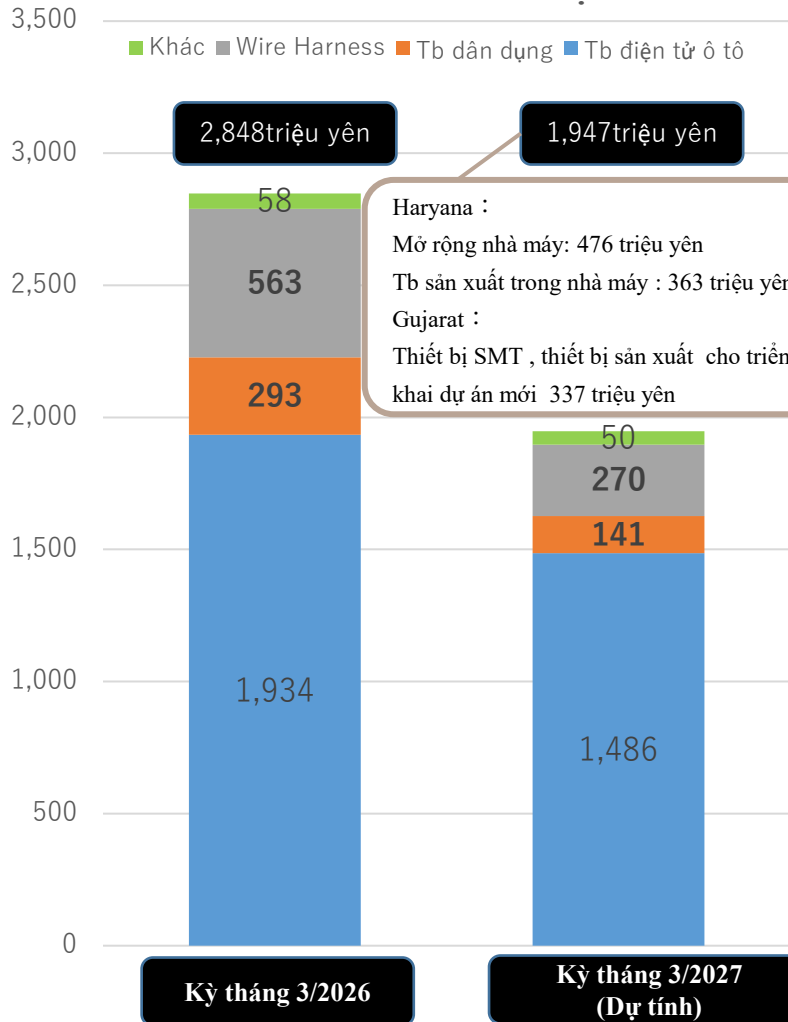


● Đầu tư thiết bị hợp nhất - chi phí khấu hao

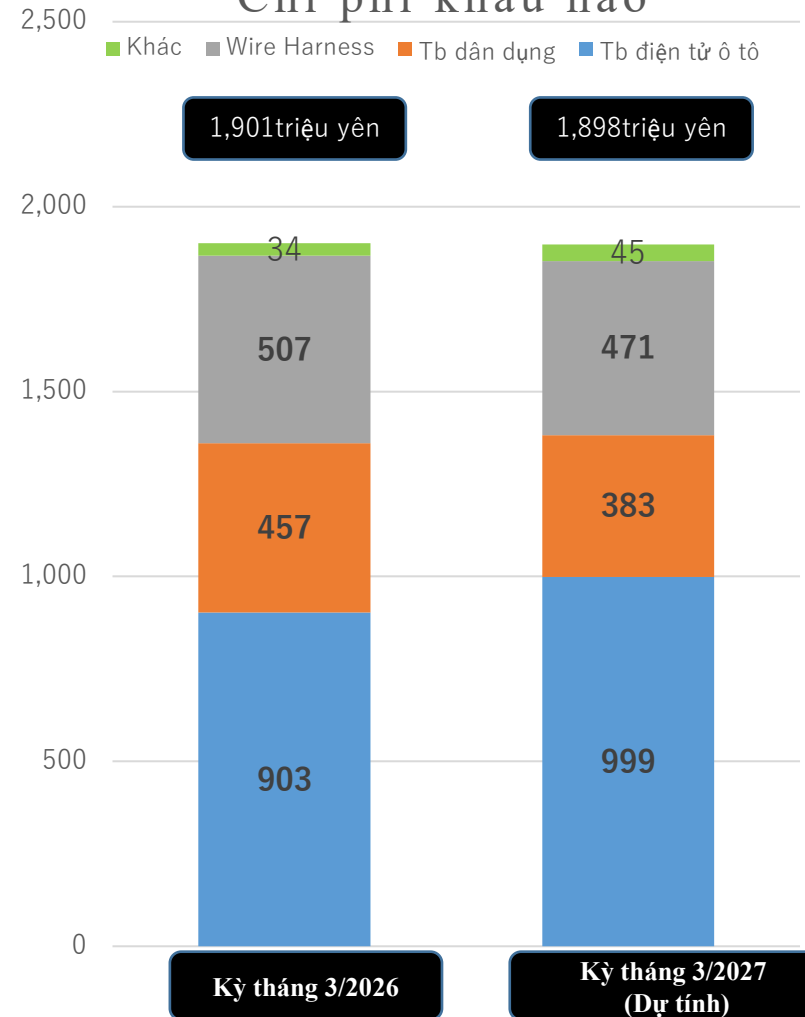
(Đơn vị : Triệu yên)

(Đơn vị : Triệu yên)

Đầu tư thiết bị



Chi phí khấu hao



3. Tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh trung hạn



Kế hoạch kinh doanh trung hạn

3-1. Các nội dung trọng điểm

(1) Các bộ điện tử góp phần hiện thực hóa xã hội phát thải thấp

~Đẩy mạnh các hoạt động hướng tới điện khí hóa~

Bộ chuyển đổi nguồn DCDC Converter

Dải đầu ra DC12V~DC48V : ~3kW

Mass
production
order
received

DCDC Converter hai chiều

DC12V $\leftrightarrow$ DC48V (Hai chiều)

Công suất định mức : 1kW

Kích thước · Trọng lượng
H80 × L200 × W220mm 2.9kg



Đầu ra công suất lớn tới đa 100A / 1kW với
phương pháp làm mát tự nhiên

Bộ sạc (Charger)

Dải đầu ra DC24V~DC300V : ~3kW

Start of
mass
production

2023.4~



Bộ sạc pin dùng cho pin sạc rời

Điện áp đầu vào : AC100~240V

Điện áp đầu ra : DC40~58V

Công suất sạc : 270W

Kích thước · Trọng lượng :
H227 × L434 × W244mm

5.3kg

Sản xuất tại : ASTI Electric India

Hiện đang được bán tại nhiều quốc gia trên
thế giới với vai trò là bộ sạc cho MPP
(Mobile Power Pack) của Công ty H.

【Công nghệ cốt lõi】

Chuyển mạch tần số cao
Biến đổi điện năng

Prototyping
completed



① Inverter cho Phương tiện di chuyển điện cỡ nhỏ

Điện áp : 48~96V

Công suất : 10kW



② Inverter cho xe điện 2 bánh

Điện áp : 48V

Công suất : 2kW

Mass
production
order
received

Start of
mass
production

Từ 2H 2026~



Hệ thống phanh giảm và chạm

Nhận đơn hàng Display Audio



Bắt đầu sản xuất hàng loạt vào 2026

Motor/Inverter

Dải đầu ra 48V~96V : ~10kW

Linh kiện điện tử

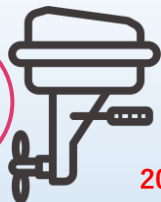
Ứng dụng cho ô tô, Tàu thuyền, Robot

(2) Wire Harness 「Kết nối」 các thiết bị điện tử quan trọng

～ Đẩy mạnh phát triển linh kiện độc quyền ～

Động cơ ngoài tàu thuyền

Start of
Mass
Production



2023.5～



Earth Plate

Cu-Al Ultrasonic Welding



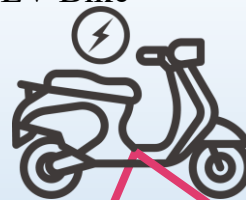
2024.5～



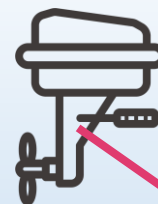
2022.3～

Terminal Block

EV Bike

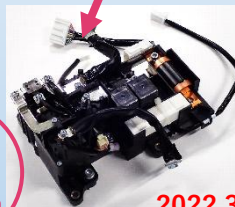


Động cơ ngoài tàu thuyền



Wire Harness

Start of
Mass
Production



2022.3～



2025.8～



2024.4～

Various EV Junction Blocks (Relay Boxes)

Motor Bike



Patent
Obtained



Relay & Fuse Box for Motorcycles

～ Phát triển BBM cho xe EV 4 bánh ～

Phát triển máy hàn siêu âm tự động dạng
chuyển tiếp liên hoàn

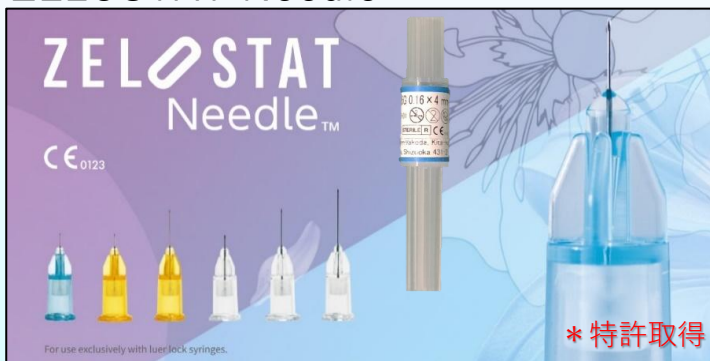
Prototype
Machine
Trial
Completed



(3) Lĩnh vực kinh doanh mới Các sản phẩm liên quan đến y tế

～Thử thách trong lĩnh vực thiết bị y tế～ Các sản phẩm mới đã bắt đầu được thương mại hóa

ZELOSTAT Needle



- Từ 02/2024: Bắt đầu kinh doanh tại thị trường EU
- 11/2024: Lần đầu tiên đạt chứng nhận thiết bị y tế tại Nhật Bản (35G: $\Phi 0.16$)
- Low dead Space (Giảm lượng dung dịch tồn dư)

Kim tiêm ZELOSTAT



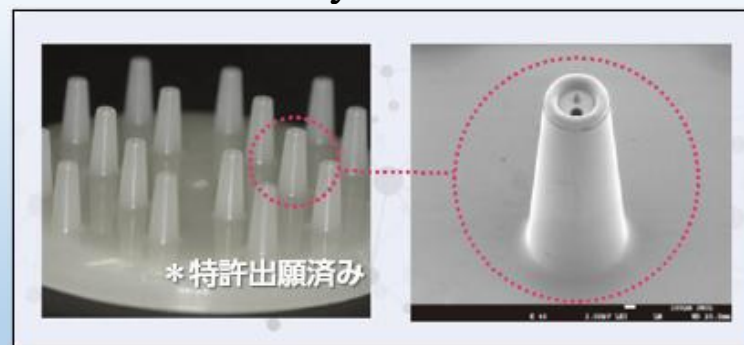
- Đạt Giải thưởng Xuất sắc tại Giải thưởng Monozukuri Nhật Bản lần thứ 10 (Nhóm phát triển)

ZELOSTAT Syringe



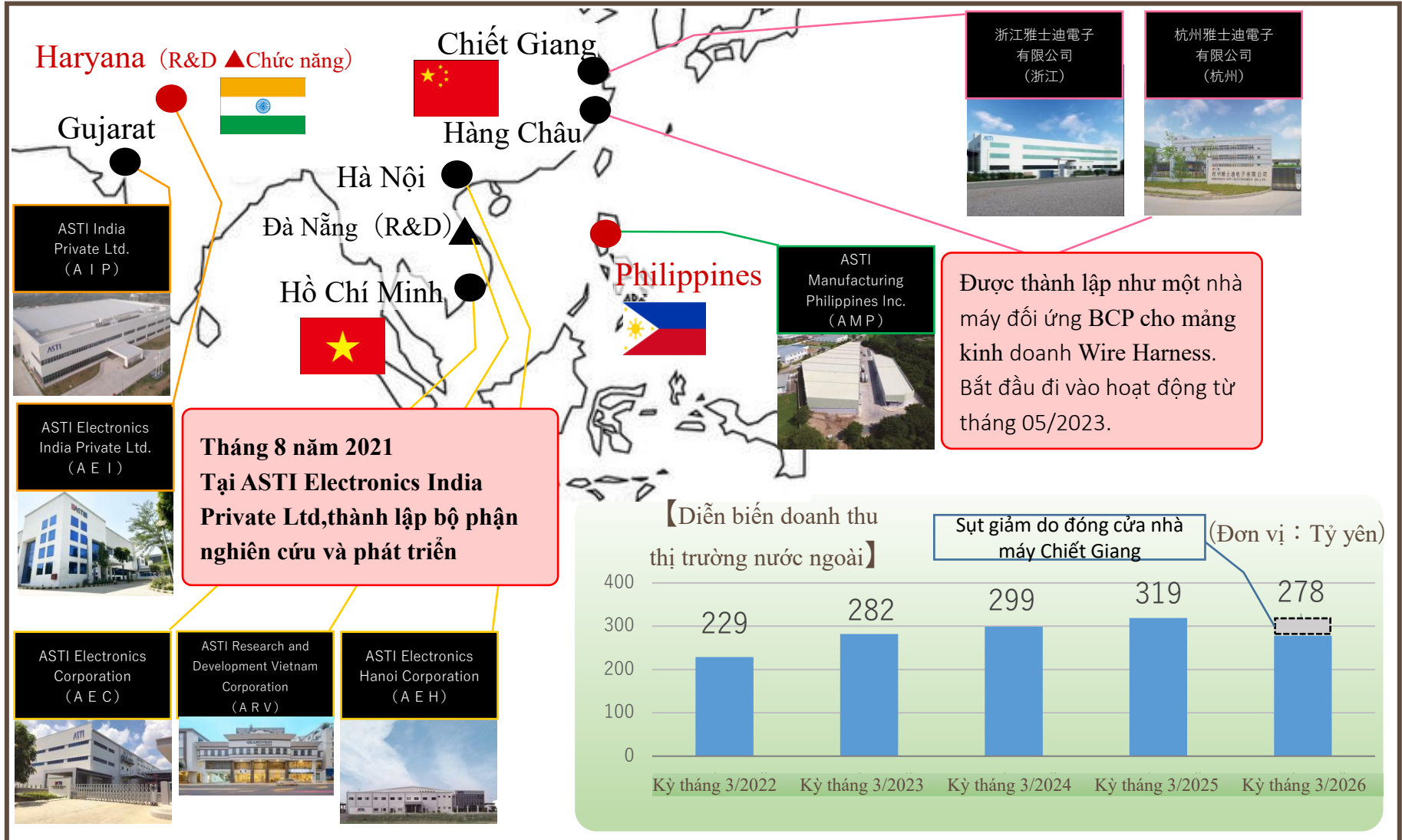
- Từ 10/2022: Bắt đầu kinh doanh tại thị trường nội địa Nhật Bản
- Low dead Space (Giảm lượng dung dịch tồn dư)

Microneedle array for cosmetic



- Từ tháng 5/2025 : bắt đầu mở bán
- Hợp tác phát triển cùng các tập đoàn mỹ phẩm lớn

(4). Hoạt động kinh doanh ở nước ngoài



3-2. Tình hình kết quả kinh doanh và cổ tức qua các năm

	Kỳ tháng 3/2022 (Kỳ 59)	Kỳ tháng 3/2023 (Kỳ 60)	Kỳ tháng 3/2024 (Kỳ 61)	Kỳ tháng 3/2025 (Kỳ 62)	Kỳ tháng 3/2026 (Kỳ 63)
Doanh thu thuần (Triệu yên)	58,790	64,883	63,607	65,441	62,400
Lợi nhuận hoạt động (Triệu yên)	281	1,894	2,234	1,517	1,302
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động trên doanh thu (%)	0.5	2.9	3.5	2.3	2.1
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động trên vốn chủ sở hữu (%)	1.5	9.4	9.8	6.5	5.3
Lợi nhuận ròng (Triệu yên)	702	1,512	2,695	624	712
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (%) ROE	3.8	7.5	11.9	2.7	2.9
Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (Yên)	40	90	150	110	80
Tỷ lệ chi trả cổ tức trên lợi nhuận hoạt động (%)	44.5	14.9	21.0	22.7	19.2
Tỷ lệ chi trả cổ tức trên lợi nhuận sau thuế (%)	17.8	18.6	17.4	55.0	35.1
Tỷ lệ cổ tức trên vốn chủ sở hữu (%) DOE	0.7	1.4	2.1	1.4	1.0

- Từ năm tài chính kỳ 61 tỷ lệ cổ tức được xác định trên cơ sở 20% lợi nhuận hoạt động hợp nhất.
- Chính sách cổ tức trong kế hoạch trung hạn tiếp theo được trình bày trong kế hoạch kinh doanh trung hạn (VISION2030).